TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Giao.
2. Ông Lê Văn Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hà Năng Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1973 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn P, sinh năm: 1973 *(Có mặt)*.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà C, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Văn T, Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

1. Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Trương Văn P đã tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng bà có hai người con chung tên Trương Thị T, sinh ngày: 19/3/1994, giới tính: Nữ và Trương Thị Trúc L, sinh ngày 11/9/2001, Giới tính: Nữ . Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng đến tháng 01/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông P thường xuyên

ghen tuông, đánh đập bà. Nay bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C thông qua phòng giao dịch huyện Tân Hưng 24.400.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ngày 06/5/2020 ông Trương Văn P đã trả hết tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai, tại phiên hòa giải bị đơn ông Trương Văn P trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông và bà C có tổ chức đám cưới và chung sống từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị T, sinh ngày: 19/3/1994, giới tính: Nữ và Trương Thị Trúc L, sinh ngày 11/9/2001, Giới tính: Nữ. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, ông và bà C đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C thông qua phòng giao dịch huyện Tân Hưng 24.400.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ngày 06/5/2020 ông Trương Văn P đã trả hết tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà Nguyễn Thị C khởi kiện ông Trương Văn P về việc tranh chấp "Ly hôn", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử và thư ký đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng đúng quy theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Về hôn nhân bà Cưng và ông P tự nguyện đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn P là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng C thông qua phòng giao dịch huyện Tân Hưng số tiền 24.400.000 đồng. Ngày 06/5/2020 ông P đã trả hết nợ gốc, lãi suất phát sinh cho

Ngân hàng xong và cũng không yêu cầu. Do đó, đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông P nhận thấy: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về hôn nhân, con chung, tài sản chung nên được ghi nhận. Về khoản tiền nợ ngân hàng 24.400.000đ ông đã trả hết cả gốc và lãi suất cho ngân hàng vào ngày 06/5/2020 và cũng không có yêu cầu gì nên đề nghị xem xét theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Đối yêu cầu của Ngân hàng C do ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền có khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C, ông Trương Văn P phải trả cho Ngân hàng 24.400.000 đồng và lãi suất phát sinh, ngày 06/5/2020 ông P đã trả hết nợ gốc và lãi suất phát sinh cho ngân hàng nên ngân hàng đã rút đơn khởi kiện, không yêu cầu giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.*Về thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Ly hôn " nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trương Văn P cư trú tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. *Về nội dung vụ án:*

[1] Về hôn nhân: Bà C và ông P chung sống từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, không có liên lạc với nhau và không hỏi thăm chăm sóc nhau. Đồng thời, bà C, ông P không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà C và ông P có hai con chung tên Trương Thị T, sinh ngày: 19/3/1994, giới tính: Nữ và Trương Thị Trúc L, sinh ngày 11/9/2001, Giới tính: Nữ. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C thông qua phòng giao dịch huyện Tân Hưng, ông P đã tự nguyện trả hết gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Ngân hàng rút đơn khởi kiện nên đình chỉ yêu cầu giải quyết của ngân hàng theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phù hợp với pháp luật.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" với ông Trương Văn P, bà Nguyễn Thị C.

Hậu quả của việc đình chỉ: Ngân hàng C không có quyền khởi kiện lại.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008060 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà C đã nộp đủ.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Văn Thành

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*